

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng năm 2021

V/v góp ý dự thảo Nghị định
thay thế Nghị định số
96/2018/NĐ-CP quy định chi
tiết giá sản phẩm, dịch vụ thủy
lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản
phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính .

Thực hiện Văn bản số 3731/BTC-QLG ngày 08/4/2021 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến về dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP quy định chi tiết giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; trên cơ sở tổng hợp của Sở Tài chính, UBND tỉnh Bình Định tham gia góp ý như sau:

I. Về Dự thảo Tờ trình Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi với các nội dung đưa ra xem xét, vướng mắc trong quá trình thực hiện của Nghị định 96/2018/NĐ-CP nhưng chưa được xem xét, đưa vào Nghị định giải quyết hướng thực hiện như:

1. Tại phần I: Những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện:

- Nhiều địa phương gặp khó khăn khi các hộ dân không ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng dùng nước và mất nhiều thời gian cho nhân viên quản lý khi thực hiện ký kết và thanh lý hợp đồng; *chưa có hướng dẫn đối với diện tích được Nhà nước được hỗ trợ do hộ gia đình bỏ ruộng không sản xuất nhưng tổ chức khai thác công trình thủy lợi vẫn phải cung ứng nước đi qua ruộng hộ gia đình không sản xuất mới cung ứng sang hộ gia đình có sản xuất.*

- Việc xác định khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP phải căn cứ vào bản đồ giải thửa. Tuy nhiên, *thực trạng hiện nay phần lớn bản đồ giải thửa được xây dựng từ rất lâu chưa được chỉnh lý lại do gặp khó khăn, vướng mắc, do đó một số diện tích thực tế chưa có bản đồ giải thửa nhưng đã được địa phương xác nhận đủ điều kiện hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hoặc một số địa bàn không có bản đồ giải thửa; diện tích mới khai hoang chưa được đo vẽ nên khi lập bảng kê đối tượng gặp khó khăn và thiếu tính pháp lý.* Nội dung dự thảo Nghị định chưa có điều khoản quy định về việc khắc phục những vướng mắc, tồn tại nêu trên.

2. Tiểu mục 2.3.1 mục IV:

Tại điểm c “...đối với nội dung thanh toán, cấp kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tại Nghị định thay thế, sửa cơ quan thanh toán, cấp kinh phí là “*cơ quan đặt hàng, đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ*” thay cho “*cơ quan tài chính*” (đang quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP).

Điểm d: *Bổ sung quy định hỗ trợ đối với diện tích được Nhà nước được hỗ trợ do hộ gia đình bỏ ruộng không sản xuất nhưng tổ chức khai thác công trình thủy lợi vẫn phải cung ứng nước đi qua ruộng hộ gia đình không sản xuất mới cung ứng sang hộ gia đình có sản xuất.* Nội dung dự thảo Nghị định chưa sửa đổi, bổ sung các nội dung trên.

II. Ý kiến góp ý Dự thảo Nghị định đề nghị xem xét, điều chỉnh, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung để phù hợp với thực tế và triển khai thực hiện:

1. Đối với giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi:

1.1 Điều 3 của Dự thảo Nghị định:

a) Tại khoản 1 Điều 3, đề nghị bổ sung, làm rõ một số nội dung tính khối lượng quy tại các Điểm:

- Điểm a, đề nghị làm rõ khái niệm về "vụ" trong đơn vị tính là "đồng/ha/vụ" vì: Thời gian sinh trưởng của từng loại cây trồng theo vụ trong năm là khác nhau, ví dụ đối với cây rau, màu... khoảng từ 20-30 ngày/vụ, còn cây lúa 90-100 ngày /vụ...

- Điểm b: cấp nước cho nuôi trồng thủy sản tính theo $\text{đồng}/\text{m}^2$ mặt thoáng/năm, đề nghị làm rõ cách xác định “ m^2 mặt thoáng” trong năm được tính như thế nào đối với hồ chứa là tại mực nước dâng bình thường, hay mực nước chết...

- Điểm c cấp nước cho chăn nuôi: $\text{đồng}/\text{m}^3$: Hầu hết các trang trại chăn nuôi có quy mô là trang trại của các hộ gia đình, đề nghị bổ sung nội dung xác định cấp nước cho chăn nuôi trong trường hợp không xác định được theo m^3 nước cấp.

- Tại Điểm đ đề nghị bổ sung đơn vị tính của tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị là $\text{đồng}/\text{ha}/\text{năm}$ và nêu phương pháp, xác định phạm vi tính toán khối lượng.

Lý do: Thực hiện tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị hiện nay chủ yếu xác định theo diện tích đơn vị tính là ha, không xác định được theo m^3 tiêu thoát hay nội dung công việc.

b) Tại Khoản 2, Điều 3, chỉ mới có quy định xây dựng phương án giá trong trường hợp đặt hàng, đấu thầu chưa có quy định trong trường hợp giao nhiệm vụ, kế hoạch, (đề nghị bổ sung xem xét thêm nội dung này).

c) Đề nghị xem xét thêm trường hợp tại khoản 5, Điều 3 và mục c, khoản 1, Điều 10 trong việc xây dựng giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đối với

các Tổ chức thủy lợi cơ sở được giao nhiệm vụ khai thác toàn hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ do đó không cần xác định điểm giao nhận giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và Tổ chức thủy lợi không xây dựng được giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi cơ sở.

1.2. Điều 4 của Dự thảo Nghị định:

a) Giá thành toàn bộ, lợi nhuận dự kiến và các nghĩa vụ tài chính trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được hướng dẫn xác định giá chung chung, đề nghị hướng dẫn xác định cụ thể giá tối đa, giá cụ thể như thế nào.

b) Bỏ 02 cụm từ “*thực tế thực hiện*” trong điểm a, khoản 1, Điều 4; cụ thể như sau:

*“**Chi phí thực tế thực hiện** tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn thuộc trách nhiệm đóng của người sử dụng lao động được xác định theo quy định của pháp luật; **chi phí thực tế thực hiện** ăn ca và chế độ khác của từng loại lao động (nếu có) theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội...”* được thay thế bằng: *“**Chi phí tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn thuộc trách nhiệm đóng của người sử dụng lao động được xác định theo quy định của pháp luật; chi phí ăn ca và chế độ khác của từng loại lao động (nếu có) theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định....”***.

Lý do: Tiền lương, tiền công, các khoản nộp theo lương và tiền ăn ca cần được tính trên cơ sở lao động định mức được UBND tỉnh phê duyệt (không phải thực tế thực hiện) và theo Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019.

c) Tại điểm a, khoản 4:

“Chi phí sửa chữa (thường xuyên, sửa chữa định kỳ) không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình được tính riêng và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công”. Đề nghị đưa khoản chi phí này vào trong giá sản phẩm dịch vụ, thủy lợi. **Lý do:** nếu công tác sửa chữa thường xuyên thực hiện theo thủ tục đầu tư công và không được đưa vào tính giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thì không thể thực hiện được, vì thủ tục, quy trình đầu tư công kéo dài, các đơn vị quản lý công trình thủy lợi không chủ động về nguồn vốn và thời gian, dẫn đến không sửa chữa, khắc phục công trình kịp thời để phục vụ năm sản xuất. Hơn nữa, tính chất sửa chữa thường xuyên là những sự cố phát sinh với mức kinh phí nhỏ, rất nhiều danh mục, nếu không kịp thời khắc phục sẽ có nguy cơ dẫn đến những hư hỏng lớn hơn, nguy hiểm hơn, gây mất an toàn công trình trong toàn hệ thống.

c) Tại Khoản 5, Điều 4. Có một số khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi nhưng chưa được tính trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: Chi cấp phép khai thác

sử dụng nước mặt, chi phí khai thác tài nguyên nước, chi phí lập quy trình vận hành công trình thủy lợi, chi phí xây dựng phương án bảo vệ công trình thủy lợi, phòng chống lũ lụt vùng hạ du, chi phí xây dựng quy trình bảo trì công trình thủy lợi, cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đo đạc, kiểm định đánh giá an toàn công trình, lập và rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, xây dựng cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước, duy trì, vận hành trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng... Tuy nhiên theo quy định tại Điều 8, Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính: Doanh nghiệp được sử dụng nguồn tài chính để bù đắp chi phí quản lý, khai thác công trình thủy lợi trong đó có các khoản mục chi phí trên. Mặt khác, các công việc này hàng năm đơn vị đều phải thực hiện để đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Luật Tài nguyên nước, Luật Thủy lợi; Nghị định số 67/2018/NĐ-CP; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, lập quy trình bảo trì quy định tại Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT... Vì vậy, đề nghị đưa các khoản mục chi phí này trong phương án xây dựng giá để các doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi có nguồn kinh phí tổ chức thực hiện.

1.3. Điều 5 của Dự thảo Nghị định:

Quy trình, thủ tục xây dựng, ban hành mức giá phức tạp, mất nhiều thời gian, khó thực hiện. Đề quy trình xây dựng, ban hành đơn giản, cụ thể: Đề nghị Bộ Tài chính ban hành giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho từng vùng, miền trên cả nước theo khả năng ngân sách.

Trên cơ sở giá tối đa của Bộ Tài chính ban hành, UBND tỉnh chỉ đạo các doanh nghiệp xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định mức giá cụ thể phải thu sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua, (HĐND tỉnh 01 năm họp 02 lần vào 06 tháng đầu năm và cuối năm nên sẽ cần có thời gian thông qua Nghị quyết).

- Căn cứ Điều 35 Luật Thủy lợi quy định UBND tỉnh quyết định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trên cơ sở giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định. Trong khi đó, tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Dự thảo quy định trên cơ sở giá tối đa do Bộ Tài chính quy định, UBND cấp tỉnh quyết định mức giá cụ thể sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đối với từng biện pháp tưới nước, biện pháp tiêu nước, từng nội dung công việc, từng loại hình sản phẩm, dịch vụ. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét về tính phù hợp của quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Dự thảo nêu trên.

- Đề nghị điều chỉnh từ “tuyển dụng” thành “sử dụng” trong yêu cầu thứ 5 tại điểm b, khoản 2 (hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc định giá, điều chỉnh giá): “*Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về kế hoạch tuyển dụng lao động quản lý*”

và lao động trực tiếp, chuyên môn, thừa hành nhiệm vụ” điều chỉnh thành: “*Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về kế hoạch sử dụng lao động quản lý và lao động trực tiếp, chuyên môn, thừa hành nhiệm vụ*”. **Lý do:** Quy định tại Điều 4 của Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Tại Điểm b đối với diện tích phải thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh, đề nghị quy định riêng sang một Điều khác.

Đề nghị giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi phải thu bằng giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được hỗ trợ và được quy định chung tại giá cụ thể sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi.

1.4. Khoản 1, Điều 6 của Dự thảo Nghị định:

- Đề nghị bổ sung đối với hệ số quy đổi: Đối với các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi thực hiện tưới, tiêu đồng thời cho cả vùng đồng bằng và miền núi, thì hệ số quy đổi vùng miền núi về đồng bằng là 1,285. **Lý do:** Nếu một đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi đồng thời tưới, tiêu cho cả vùng đồng bằng và miền núi thì không thể tách chi phí tưới, tiêu cho đồng bằng riêng và tưới, tiêu cho miền núi riêng, mà cần có hệ số quy đổi để đưa về một đơn vị diện tích thống nhất, làm cơ sở để tính giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (giá đơn vị SPDV = [Tổng giá thành SPDV+ Lợi nhuận+ Thuế (nếu có)]/khối lượng).

- Bổ sung hệ số quy đổi đối với diện tích tưới tạo nguồn từ bậc 2 trở lên.

- Bổ sung Hệ số quy đổi cấp nước cho diện tích nuôi trồng thủy sản: 2,0 – 2,5, đề nghị quy định rõ khi nào quy đổi là 2,0 khi nào là 2,5.

1.5. Điều 8 của Dự thảo Nghị định:

Tại dòng 3 khoản 1 cụm từ “cho các” bị lặp lại 2 lần.

1.6. Điều 11 của Dự thảo Nghị định:

a) Tại điểm a, khoản 2:

Dự thảo Nghị định quy định: “*Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi căn cứ vào bản đồ giải thửa/ diện tích đất, **mặt nước sản xuất**, hình thức cấp nước, tưới nước, tiêu nước*”, đề nghị sửa lại thành: “*Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi căn cứ vào bản đồ giải thửa hoặc diện tích đất, **diện tích mặt nước sản xuất thực tế**; hình thức cấp nước, tưới nước, tiêu nước; ...*”. **Lý do:** để đảm bảo rõ ràng khi áp dụng.

1.7. Điều 12 của Dự thảo Nghị định:

- Đề nghị bổ sung quy định cụ thể cơ quan cấp phát kinh phí đặt hàng đối với địa phương được hỗ trợ từ ngân sách trung ương phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của

Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Tại điểm a, Khoản 5: Thanh toán, cấp kinh phí đối với phương thức đặt hàng, việc cấp kinh phí đối với địa phương được hỗ trợ từ ngân sách trung ương: *“Ngay sau khi hợp đồng đặt hàng được ký, cơ quan đặt hàng tạm ứng 60% kinh phí theo hợp đồng cho đơn vị nhận đặt hàng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành. Việc cấp phát thanh toán bằng lệnh chi tiền”*. Đề nghị Nghị định quy định bổ sung chi tiết về tỷ lệ, điều kiện, thời gian được cấp cho 40% còn lại.

1.8. Điều 13 của Dự thảo Nghị định:

- Để thống nhất trong công tác quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Điều 13 đề nghị ban hành mẫu chung cho hợp đồng cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; Biên bản nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, các xác nhận.. và xem xét nội dung: *“Bảng kê diện tích theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định này”* do khoản 2 Điều 13 không có điểm c.

- Đề nghị bổ sung quy trình cụ thể đối với việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu để cụ thể hơn so với Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

1.9. Điều 21 của Dự thảo Nghị định:

Hỗ trợ kinh phí bảo trì theo khoản 2, khoản 3 điều 21 quy định:

“2. Đối với các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chưa tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chi phí bảo trì được hỗ trợ từ nguồn kinh phí bảo trì theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;”

“3. Đối với các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không do Nhà nước đầu tư, quản lý, chi phí bảo trì được hỗ trợ từ nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi”.”.

Quy định này mâu thuẫn với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 của dự thảo, cụ thể:

Tại điểm a khoản 4 Điều 4: *“Đối với công trình thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý: chi phí bảo trì bao gồm chi phí kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng tài sản nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình được tính ngay trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trừ trường hợp đã được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước.*

Chi phí sửa chữa (thường xuyên, sửa chữa định kỳ) không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình được tính riêng và thực

hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công”.

Như vậy, theo quy định tại Điều 4, đối với công trình thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý (*không phân biệt đã tính thành vốn tại doanh nghiệp hay chưa tính*) chi phí bảo trì bao gồm chi phí kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng tài sản nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình được tính ngay trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trừ trường hợp đã được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Đối với giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác:

2.1. Tại Điểm c, Khoản 2, Điều 22: Kết hợp phát điện: đề nghị bổ sung đơn vị tính cho điện mặt trời, điện gió.

2.2. Tại dòng thứ nhất của điểm a, khoản 1, Điều 23: Đề nghị bỏ dấu phẩy (,) ngay sau từ “Doanh nghiệp...”

2.3. Tại khoản 1, Điều 24:

- Tại điểm b, khoản 1:

+ Đề nghị điều chỉnh từ “tuyển dụng” thành “sử dụng” trong yêu cầu thứ 4 tại điểm b, khoản 1 (hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc định giá, điều chỉnh giá): “*Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về kế hoạch tuyển dụng lao động quản lý và lao động trực tiếp, chuyên môn, thừa hành nhiệm vụ*” điều chỉnh thành: “*Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về kế hoạch sử dụng lao động quản lý và lao động trực tiếp, chuyên môn, thừa hành nhiệm vụ*”. **Lý do đề nghị điều chỉnh:** Quy định tại Điều 4 của Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Tại Khoản 2, việc quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành khung giá phức tạp, mất nhiều thời gian, khó thực hiện, đề nghị Bộ Tài chính căn cứ tình hình thực tế ban hành khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác trên cả nước.

c) 2.4. Điều 25 của dự thảo Nghị định:

Tại khoản 5 quy định: “*Chi phí thực tế hợp lý khác liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác (nếu có) thực hiện theo quy định của Nghị định này và pháp luật liên quan*”

Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính: Doanh nghiệp được sử dụng nguồn tài chính để bù đắp chi phí quản lý, khai thác công trình thủy lợi trong đó có các khoản mục chi phí: Chi cấp phép khai thác sử dụng nước mặt, chi phí khai thác sử dụng tài nguyên nước, chi phí lập quy trình vận hành công trình thủy lợi, chi phí xây dựng phương án bảo vệ công trình thủy lợi, chi phí xây dựng quy trình bảo trì

Nguồn tài chính trong doanh nghiệp tại Điều 4 Thông tư số 73/2018/TT-BTC gồm: Nguồn thu từ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hỗ trợ tài chính của nhà nước; Nguồn thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác, thu nhập tài chính khác và khoản thu từ các hoạt động kinh doanh khác được tính vào doanh thu và thu nhập khác. Do đó, để thuận tiện cho các doanh nghiệp và cơ quan thẩm định trong việc xây dựng và thẩm định giá, đề nghị quy định rõ chi phí thực tế hợp lý khác trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác bao gồm những chi phí gì.

- Đề nghị bỏ cụm từ “*thực tế thực hiện*” trong điểm a, khoản 1; cụ thể như sau: “**Chi phí thực tế thực hiện** tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn ăn ca và chế độ khác của từng loại lao động (nếu có)” Được thay thế bằng: “**Chi phí tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn ăn ca và chế độ khác của từng loại lao động (nếu có)**”. Lý do: Tiền lương, tiền công, các khoản nộp theo lương và tiền ăn ca cần được tính trên cơ sở lao động định mức được UBND tỉnh phê duyệt (không phải thực tế thực hiện).

3. Đối với mục hỗ trợ kinh phí phòng chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng:

- Tại Khoản 1, Điều 15: Phạm vi áp dụng chỉ xem xét hỗ trợ từ ngân sách Trung ương đối với những địa phương đã xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng nghiêm trọng. Các địa phương căn cứ vào tình hình thời tiết để triển khai các biện pháp phòng chống thì chưa được hỗ trợ, đề nghị bổ sung các địa phương này vào phạm vi áp dụng.

- Tại Điểm c, Điều 16: Đề nghị tăng mức hỗ trợ mua mới máy bơm đã chiến công suất nhỏ.

4. Khoản 3, Điều 28: Trách nhiệm của các bộ, ngành:

Theo điểm a,b,c,d...quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về cơ bản là phù hợp. Đề nghị có hướng dẫn hoạt động của Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi ở cấp tỉnh, huyện để theo dõi, kiểm tra nghiệm thu... hợp đồng đặt hàng khai thác công trình thủy lợi hoặc tổ chức đấu thầu khai thác công trình thủy lợi theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nhiệm vụ thực hiện của Ban Quản lý đặt hàng công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi của tỉnh theo quy định tại Điều 16. Kiểm tra, giám sát của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 Hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước: “1. Định kỳ hàng năm cơ quan chủ sở hữu thực hiện việc kiểm tra giám sát và phê duyệt tình hình thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh các đơn vị khai thác công trình thủy lợi”.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh